

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CẦN ĐƯỚC
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 01-02-2021

V/v “*tranh chấp ly hôn giữa
Chị T và anh M*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẦN ĐƯỚC TỈNH LONG AN

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Thanh Nhung

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hồ Tấn Lợi

2. Ông Trần Quốc Thịnh

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Lệ Trinh – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Cần Đước, tỉnh Long An.

Ngày 01 tháng 02 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cần Đước xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 507/2020/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 11 năm 2020 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 151/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 12 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 09/2021/QĐST-HNGĐ ngày 14 tháng 01 năm 2021, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Đoàn Thị T**, sinh năm: 1988. Địa chỉ: Ấp H, xã T, huyện C, tỉnh Long An (có mặt).

Bị đơn: Anh **Nguyễn Văn M**, sinh năm: 1981. Địa chỉ: Ấp H, xã T, huyện C, tỉnh Long An (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 19/10/2020 và lời khai tại phiên tòa, nguyên đơn chị Đoàn Thị T trình bày: Chị và anh Nguyễn Văn M cưới nhau vào năm 2011, hôn nhân tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật vào ngày 30/12/2011 tại UBND xã T, huyện C. Chị và anh M chung sống hạnh phúc đến năm 2015 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống và mâu thuẫn vấn đề tiền bạc. Chị và anh M đã sống ly thân khoảng 01 năm nay nhưng không bên nào có thiện chí hàn gắn tình cảm. Nay, xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, chị không còn tình cảm với anh M nên chị yêu cầu được ly hôn với anh M.

Về nuôi con chung: Chị và anh Nguyễn Văn M có 01 con chung là cháu Nguyễn Minh Tr, sinh ngày 27/10/2013. Hiện cháu Tr đang sống cùng anh M, khi ly hôn chị T đồng ý cho anh M được tiếp tục nuôi cháu Tr và chị không cấp dưỡng nuôi con.

Về chia tài sản: không có.

Về nợ: không có.

Tòa án tiến hành lập thủ tục thông báo về việc thụ lý vụ án và phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải vụ án theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, bị đơn anh Nguyễn Văn M vắng mặt và không cung cấp cho Tòa án bất cứ tài liệu, chứng cứ nào có liên quan đến vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Chị Đoàn Thị T khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Văn M. Anh M có nơi cư trú tại ấp H, xã T, huyện C, tỉnh Long An. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Tòa án nhân dân huyện Cần Đước, tỉnh Long An thụ lý giải quyết theo thủ tục sơ thẩm.

Bị đơn anh Nguyễn Văn M đã được Tòa án thông báo và tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng để tham gia vụ án nhưng đều vắng mặt. Căn cứ khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh M.

[2] Về nội dung tranh chấp:

[2.1] Về hôn nhân: Chị Đoàn Thị T và anh Nguyễn Văn M chung sống với nhau có đăng ký kết hôn vào năm 2011 là hôn nhân hợp pháp. Theo chị T nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng là do do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống và mâu thuẫn vấn đề tiền bạc, chị không còn tình cảm với anh M nên chị T yêu cầu được ly hôn với anh M.

Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh M nhưng anh M không đến Tòa án, chứng tỏ anh M không có thiện chí hàn gắn tình cảm với chị T để vợ chồng đoàn tụ, chị T cương quyết ly hôn vì cho rằng vợ chồng đã ly thân, chị T không còn tình cảm với anh M và không có khả năng hàn gắn. Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị T và anh M đã đến mức trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên việc chị T yêu cầu được ly hôn với anh M là có căn cứ. Do đó, cần áp dụng Điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Đoàn Thị T.

[2.2] Về nuôi con chung: Theo chứng cứ do chị T cung cấp, chị T và anh M có 01 con chung là cháu Nguyễn Minh Tr, sinh ngày 27/10/2013. Xét thấy, anh M là người đang trực tiếp nuôi cháu Tr; nguyện vọng cháu Tr mong muốn được sống với ba và chị T đồng ý; điều này phù hợp với Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử quyết định cho anh M được tiếp tục nuôi cháu Tr và chị T không phải cấp dưỡng nuôi con.

[2.3] Về chia tài sản và nợ chung: Do anh M không có văn bản trình bày vấn đề này, chị T xác định không có nên Hội đồng xét xử không xem xét. Nếu các đương sự có tranh chấp, sẽ được giải quyết bằng vụ án khác khi có đơn yêu cầu.

[2.4] Về án phí: Chị Đoàn Thị T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

[2.5] Về quyền kháng cáo: Chị Đoàn Thị T và anh Nguyễn Văn M được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 51, 56, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đoàn Thị T về việc “Ly hôn” với anh Nguyễn Văn M.

1. Về hôn nhân: Chị Đoàn Thị T được ly hôn với anh Nguyễn Văn M.

2. Về nuôi con chung: Anh Nguyễn Văn M được tiếp tục nuôi con chung là cháu Nguyễn Minh Tr, sinh ngày 27/10/2013. Chị Đoàn Thị T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Bên không nuôi con được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản. Vì lợi ích của con chung, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên đương sự, Tòa án có thể thay đổi người nuôi dưỡng cũng như mức cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của người đó.

3. Về án phí: Chị Đoàn Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí tại biên lai số 0009014 ngày 02/11/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cần Đức.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Cần Đức;
- Chi cục THADS huyện Cần Đức;
- UBND nơi ĐKKH;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Thị Thanh Nhung

